TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: **25**/2025/ HNGĐ - ST
Ngày 23/6/2025

" V/v tranh chấp ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Chung;

2. Bà Nguyễn Thị Bắc;

- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà***: Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà***: Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2025/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp về ly hôn, con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXX- ST ngày 16 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị Y, sinh ngày 17/7/1990; Số CCCD: 038190032183; Địa chỉ: Thôn T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; có đơn xin vắng mặt

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 08/11/1987; Số CMND: 121962571. Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1]. Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ nguyên đơn chị Hoàng Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn cùng với anh Nguyễn Văn T vào năm 2011, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, cả hai có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện S vào ngày 24/02/2015; Cưới xong chị Y về gia đình chung sống cùng với gia đình anh T, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ đầu năm 2024, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan

điểm sống, bảo ban không ai nghe ai dẫn đến cãi chửi nhau. Sau khi mâu thuẫn xảy ra chị đã chuyển về gia đình quê ngoại sinh sống, cả hai đã ly thân nhau kể từ đó cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn nhau.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Viết Đ, sinh ngày 16/12/2015. Hiện nay cháu Đ đang ở cùng với chị. Nếu trường hợp phải ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu. Về cấp dưỡng nuôi chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị hiện đang làm kinh doanh thu nhập khoảng 6.000.000đ/tháng.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[2]. Bị đơn anh Nguyễn Văn T hiện không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án giao cho gia đình anh T và niêm yết tại địa phương thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa để anh T biết đến làm việc tại Tòa án nhưng anh T vẫn vắng mặtoHoaf vẫn v, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh T.

[3]. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn anh T vắng mặt không chấp hành đến Tòa án để giải quyết vụ án là vi phạm về nghĩa vụ.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị Y và anh Nguyễn Văn T được ly hôn nhau.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Viết Đ, sinh ngày 16/12/2015 cho chị Hoàng Thị Y nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chị Y không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Hoàng Thị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Động giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn T, anh T hiện đang cư trú tại huyện S. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt lần thứ hai; Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, nên cần áp dụng Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện:*

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Y kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào năm 2015, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang số 09/2015 ngày 24 tháng 02 năm 2015. Sau khi cưới chị Y về chung sống cùng với gia đình anh T, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh T là hợp pháp.

Mâu thuẫn phát sinh từ đầu năm 2024, nguyên nhân do hai vợ chồng không bảo ban được nhau trong làm ăn phát triển kinh tế, bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2024 cho đến nay, chị Y đã chuyển về gia đình nhà ngoại để sinh sống. Nay chị Y xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Y xin ly hôn anh T.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình"*.

Xét thấy: Chị Y và anh T đã xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, hai bên đã không quan tâm giúp đỡ đến nhau, không cùng chăm sóc, nuôi dạy con chung cũng như đã ly thân nhau về mặt tình cảm được một khoảng thời gian và cả hai không giải hòa được. Như vậy, chị Y và anh T đã vi phạm nghĩa vụ chung sống vợ chồng, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Y, cho chị Y và anh T được ly hôn nhau theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Y xác định giữa chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Viết Đ, sinh ngày 16/12/2015, hiện nay cháu đang ở cùng với chị Y. Chị Y có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Đ không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay anh T không có mặt tại địa phương, đồng thời cháu Đ cũng có nguyện vọng được ở với mẹ; mặt khác, hiện nay chị Y đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Như vậy, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao cho chị Hoàng Thị Y được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Viết Đ là hợp lý theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chị Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị Y xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 21, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị Y và anh Nguyễn Văn T được ly hôn nhau.

[2]. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Viết Đ, sinh ngày 16/12/2015 cho chị Hoàng Thị Y nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chị Y không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3]. Về tài sản chung, công nợ: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Hoàng Thị Y phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền chị Y đã nộp tiền tạm ứng án phí DSST 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005405 ngày

04/3/2025, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. (Xác nhận chị Y đã nộp đủ số tiền 300.000đ)

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày được niêm yết.

"*Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sựngười được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Yên Định;
- Lưu .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Toàn